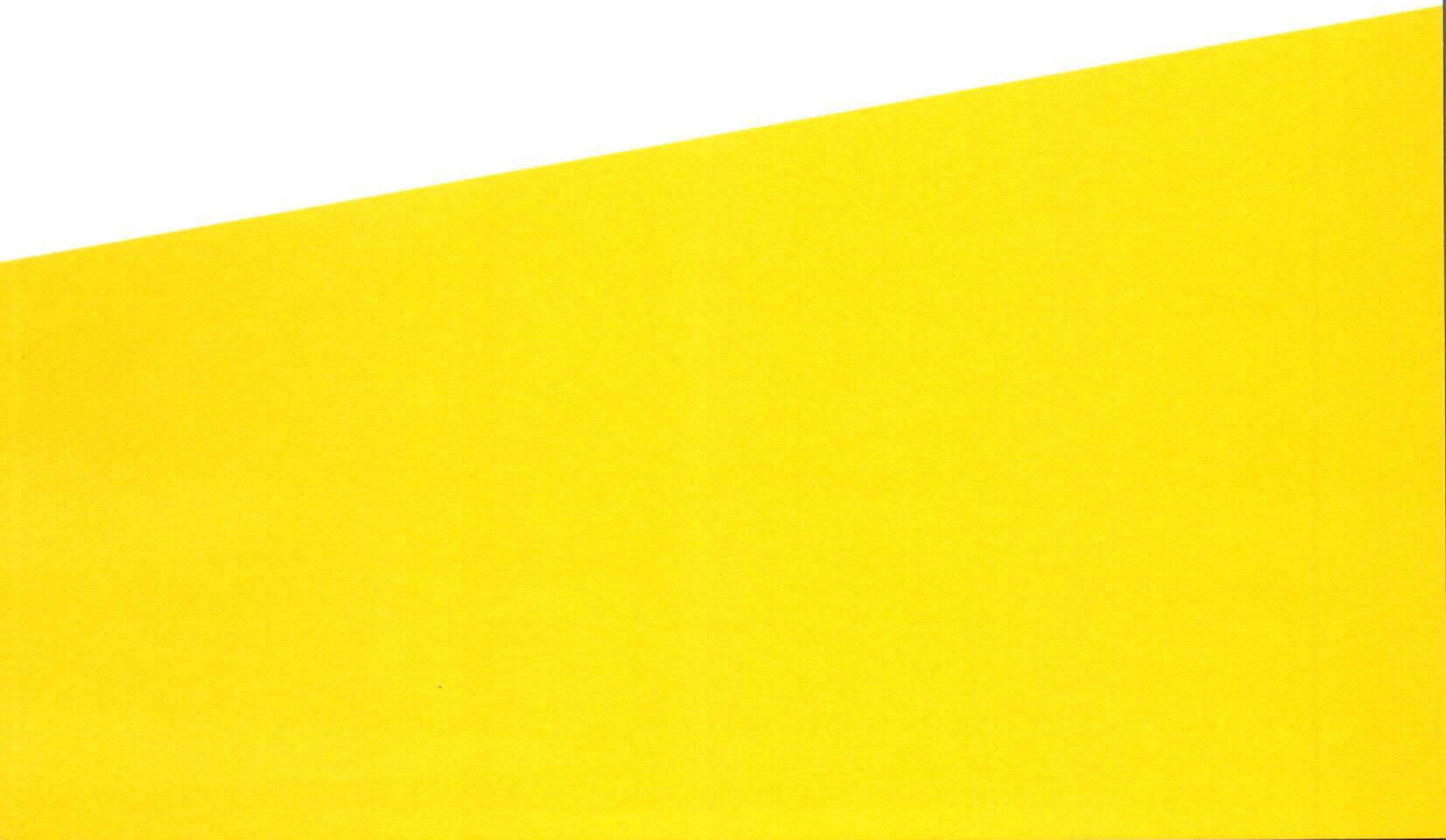




EY

Building a better
working world



**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức
Vietranstimex – Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 34

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex - Trụ sở chính

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“Công ty”) tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi.

CÔNG TY

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và Trụ sở chính là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Chủ tịch	
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Bùi Quang Liên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	từ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Bảo Ngọc	Trưởng ban
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Bùi Quang Liên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Bùi Quang Liên.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Trụ sở chính trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Trụ sở chính có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Trụ sở chính sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Trụ sở chính, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Trụ sở chính và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61345701-22629848-LR-HO

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		318.984.960.160	257.481.003.930
110	I. Tiền	4	28.666.320.435	20.723.578.539
111	1. Tiền		28.666.320.435	20.723.578.539
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		197.677.230.764	183.668.233.877
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	136.305.282.808	141.938.450.359
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	35.867.563.665	31.211.910.622
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	7	18.651.804.865	22.482.146.156
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	44.031.167.040	24.839.999.085
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 8	(37.178.587.614)	(36.804.272.345)
140	III. Hàng tồn kho	9	81.293.490.611	46.238.040.643
141	1. Hàng tồn kho		81.436.529.801	46.381.079.833
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(143.039.190)	(143.039.190)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.347.918.350	6.851.150.871
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	3.610.849.409	6.851.150.871
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.675.267.902	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		61.801.039	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		173.213.335.413	61.774.470.078
210	I. Phải thu dài hạn		2.616.741.495	793.629.195
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	2.616.741.495	793.629.195
220	II. Tài sản cố định		154.281.722.334	52.267.695.505
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	69.230.749.636	44.595.436.126
222	Nguyên giá		448.074.773.503	418.891.424.189
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(378.844.023.867)	(374.295.988.063)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	77.426.640.119	-
225	Nguyên giá		77.859.191.181	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(432.551.062)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	7.624.332.579	7.672.259.379
228	Nguyên giá		9.498.251.533	9.498.251.533
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.873.918.954)	(1.825.992.154)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13	1.954.500.259	155.225.441
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.954.500.259	155.225.441
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		816.000.000	816.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	14.1	816.000.000	816.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.544.371.325	7.741.919.937
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	13.544.371.325	7.291.203.409
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	-	450.716.528
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		492.198.295.573	319.255.474.008

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		237.663.519.594	72.249.182.235
310	I. Nợ ngắn hạn		206.806.179.585	72.099.682.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	47.147.772.724	12.074.471.703
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	48.099.677.980	14.259.731.763
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.285.429.582	7.081.174.014
314	4. Phải trả người lao động		3.999.572.951	3.321.375.988
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	27.315.766.357	980.460.983
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	7.873.872.804	2.808.696.306
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	71.050.565.400	31.456.249.691
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		33.521.787	117.521.787
330	II. Nợ dài hạn		30.857.340.000	149.500.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	139.500.000	149.500.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	30.717.840.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		254.534.775.988	247.006.291.773
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	254.534.775.988	247.006.291.773
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.201.900.140	16.673.415.925
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		16.673.415.925	6.931.285.450
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		7.528.484.215	9.742.130.475
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		492.198.295.573	319.255.474.008

Phan Thị Ngoan
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Trang
Kế toán trưởng

Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	23.1	171.095.398.002	80.404.203.121
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	24	(138.659.441.559)	(84.439.718.583)
20	3. Lợi nhuận (lỗ) gộp về cung cấp dịch vụ		32.435.956.443	(4.035.515.462)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	25.993.996	1.172.486.527
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	(1.900.681.065) (1.811.426.598)	(464.695.911) (391.670.855)
25	6. Chi phí bán hàng	26	(2.238.619.855)	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(18.470.051.425)	(15.795.188.775)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		9.852.598.094	(19.122.913.621)
31	9. Thu nhập khác		87.678.777	3.126.223.584
32	10. Chi phí khác		(1.326.900)	(234.377.589)
40	11. Lợi nhuận khác		86.351.877	2.891.845.995
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		9.938.949.971	(16.231.067.626)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(1.959.749.228)	-
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(450.716.528)	3.168.819.527
60	15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		7.528.484.215	(13.062.248.099)

Phan Thị Ngoan
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Trang
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		9.938.949.971	(16.231.067.626)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	5.028.513.666	8.399.160.149
03	Các khoản dự phòng		374.315.269	2.561.611.894
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		57.740.361	4.037.987
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(21.357.691)	(792.328.011)
06	Chi phí lãi vay	25	1.811.426.598	391.670.855
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.189.588.173	(5.666.914.752)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(23.998.683.897)	19.644.384.128
10	Tăng hàng tồn kho		(36.854.724.786)	(16.991.397.521)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		95.357.503.540	(22.140.602.540)
12	Tăng chi phí trả trước		(3.012.866.454)	(11.966.897.108)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.147.388.162)	(374.491.426)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.797.034.236)	(1.068.689.541)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(84.000.000)	(616.059.668)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		44.652.394.179	(39.180.668.428)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(29.183.349.314)	(4.392.258.139)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	787.272.728
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi có tức và lợi nhuận được chia		21.357.691	1.099.959.389
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(29.161.991.623)	(2.505.026.022)


Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

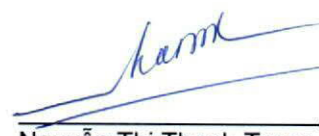
B03a-DN


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	106.056.864.622	41.960.545.640
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(81.462.548.913)	(5.774.891.266)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	21	(32.141.351.181)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(7.547.035.472)	36.185.654.374
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.943.367.084	(5.500.040.076)
60	Tiền đầu kỳ		20.723.578.539	9.864.463.951
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(625.188)	40.616
70	Tiền cuối kỳ	4	28.666.320.435	4.364.464.491


Phan Thi Ngoc
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Trang
Kế toán trưởng


Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc



Ngày 13 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“Công ty”) tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng. Báo cáo tài chính kèm theo này thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Trụ sở chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và Trụ sở chính là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Trụ sở chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 142 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 121).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính được trình bày bằng Việt Nam Đồng (“VND”) và được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Trụ sở chính là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Trụ sở chính dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Trụ sở chính dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất áp dụng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Trụ sở chính mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được hao mòn theo thời hạn của quyền sử dụng đất, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được hao mòn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Trụ sở chính và được ghi nhận như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Trụ sở chính đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng chung

Trụ sở chính ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Trụ sở chính có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Trụ sở chính có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	106.701.941	216.756.117
Tiền gửi ngân hàng	28.559.618.494	20.506.822.422
TỔNG CỘNG	28.666.320.435	20.723.578.539

5. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu khách hàng	136.266.830.385	84.833.804.946
<i>Công ty Cổ phần SCI E&C</i>	46.098.626.029	-
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC</i>	17.802.288.000	4.307.292.312
<i>Công ty Cổ phần Beton 6</i>	8.195.337.277	8.195.337.277
<i>Cosco Logistics Hongkong Co., Ltd</i>	6.783.954.470	6.783.954.470
<i>Cosco Logistics Kunming Co., Ltd</i>	6.685.729.944	10.399.285.505
<i>Khác</i>	50.700.894.665	55.147.935.382
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	38.452.423	57.104.645.413
TỔNG CỘNG	136.305.282.808	141.938.450.359
Dự phòng phải thu khó đòi	(36.512.362.096)	(36.069.497.863)
GIÁ TRỊ THUẦN	99.792.920.712	105.868.952.496

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho bên khác	32.181.160.665	27.151.610.622
<i>Công ty TNHH TM Vật liệu và Thiết bị Điện</i>		
<i>TBEA Việt Nam</i>	3.495.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và tiếp vận</i>		
<i>Tín Nghĩa</i>	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Công ty TNHH Vận Tải – Xây dựng –</i>		
<i>Thương mại và Dịch vụ Trúc Minh</i>	2.450.000.000	-
<i>Công ty TNHH Xây Dựng Cầu đường ANZEN</i>	2.412.741.250	-
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ khí Asean</i>	2.292.000.000	5.564.493.000
<i>Khác</i>	18.531.419.415	18.587.117.622
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	3.686.403.000	4.060.300.000
TỔNG CỘNG	35.867.563.665	31.211.910.622

7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi nhánh Miền Trung	16.427.338.738	5.192.276.965
Chi nhánh Miền Bắc	2.224.466.127	17.289.869.191
TỔNG CỘNG	18.651.804.865	22.482.146.156

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	44.031.167.040	24.839.999.085
Tạm ứng nhân viên	25.263.248.278	18.442.779.768
Ký cược, ký quỹ	10.625.297.620	856.640.000
Chi hộ khách hàng	8.142.621.142	5.540.579.317
Dài hạn	2.616.741.495	793.629.195
Ký quỹ, ký cược	2.616.741.495	793.629.195
TỔNG CỘNG	46.647.908.535	25.633.628.280
Dự phòng phải thu khó đòi	(666.225.518)	(734.774.482)
GIÁ TRỊ THUẦN	45.981.683.017	24.898.853.798
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	120.000.000	163.630.400
<i>Bên khác</i>	46.527.908.535	25.469.997.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.771.266.277	38.436.351.592
Nguyên vật liệu	15.475.099.524	7.814.164.241
Công cụ, dụng cụ	190.164.000	130.564.000
TỔNG CỘNG	81.436.529.801	46.381.079.833
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(143.039.190)	(143.039.190)
GIÁ TRỊ THUẦN	81.293.490.611	46.238.040.643

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	(143.039.190)	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	(143.039.190)	-

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	27.619.704.604	34.185.235.214	354.694.480.775	2.392.003.596	418.891.424.189
Mua trong kỳ	-	8.772.406.506	20.153.442.808	257.500.000	29.183.349.314
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	27.619.704.604	42.957.641.720	374.847.923.583	2.649.503.596	448.074.773.503
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	271.685.455	30.590.855.804	307.528.513.579	1.074.923.596	339.465.978.434
Giá trị khấu hao lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(18.993.164.041)	(31.348.359.747)	(322.366.874.424)	(1.587.589.851)	(374.295.988.063)
Khấu hao trong kỳ	(1.063.123.920)	(401.718.904)	(2.928.265.882)	(154.927.098)	(4.548.035.804)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(20.056.287.961)	(31.750.078.651)	(325.295.140.306)	(1.742.516.949)	(378.844.023.867)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	8.626.540.563	2.836.875.467	32.327.606.351	804.413.745	44.595.436.126
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	7.563.416.643	11.207.563.069	49.552.783.277	906.986.647	69.230.749.636

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-
Tăng trong kỳ	<u>77.859.191.181</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>77.859.191.181</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-
Khấu hao trong kỳ	<u>(432.551.062)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>(432.551.062)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>77.426.640.119</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>7.552.136.460</u>	<u>1.946.115.073</u>	<u>9.498.251.533</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.466.847.073	1.466.847.073
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	(1.825.992.154)	(1.825.992.154)
Hao mòn trong kỳ	-	<u>(47.926.800)</u>	<u>(47.926.800)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	<u>(1.873.918.954)</u>	<u>(1.873.918.954)</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>7.552.136.460</u>	<u>120.122.919</u>	<u>7.672.259.379</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>7.552.136.460</u>	<u>72.196.119</u>	<u>7.624.332.579</u>

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 7.552.136.460 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng. Chi tiết của khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 21*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên doanh

Tên công ty liên doanh	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
Công ty TNHH Liên doanh BNX- Vietranstimex (i)	Vận tải	51	<u>816.000.000</u>	51	<u>816.000.000</u>

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	3.610.849.409	6.851.150.871
Chi phí công cụ dụng cụ	1.825.864.534	653.768.987
Chi phí bảo hiểm	657.668.730	4.555.212.090
Chi phí thuê văn phòng	573.997.891	182.000.000
Chi phí sử dụng đường bộ	58.939.919	1.145.979.272
Chi phí khác	494.378.335	314.190.522
Dài hạn	13.544.371.325	7.291.203.409
Chi phí cải tạo văn phòng và sửa chữa tài sản	6.759.167.500	299.834.848
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.319.285.286	2.670.756.178
Chi phí thuê đất	2.324.726.023	2.359.423.429
Khác	1.141.192.516	1.961.188.954
TỔNG CỘNG	<u>17.155.220.734</u>	<u>14.142.354.280</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả nhà cung cấp	45.557.854.100	10.227.181.776
<i>Công ty Cổ phần Transin Group</i>	8.398.912.906	-
<i>Công ty TNHH TM Xây Dựng Khoáng Sản Hạ Tầng Toàn Thắng</i>	4.620.000.000	-
<i>Công ty TNHH TM DV Xây dựng Châu Gia</i>	2.750.000.000	-
<i>Công ty TNHH Cao su Đỉnh Lốp</i>	2.665.400.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đông Hải 27-7</i>	1.754.390.707	3.398.710.242
<i>Khác</i>	25.369.150.487	6.828.471.534
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	1.589.918.624	1.847.289.927
TỔNG CỘNG	<u>47.147.772.724</u>	<u>12.074.471.703</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty cổ phần hàng hải Bông sen	21.780.000.000	-
Công ty TNHH Điện gió Sunpro - Bến Tre số 8	19.896.065.351	-
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	4.158.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	-	12.834.376.900
Khác	2.265.612.629	1.425.354.863
TỔNG CỘNG	<u>48.099.677.980</u>	<u>14.259.731.763</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế giá trị gia tăng	4.875.499.440	1.096.251.727	(13.647.019.069)	(7.675.267.902)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.833.117.730	1.959.749.228	(2.797.034.236)	995.832.722
Thuế thu nhập cá nhân	372.556.844	911.933.300	(994.893.284)	289.596.860
Thuế khác	-	(132.688.297)	70.887.258	(61.801.039)
TỔNG CỘNG	<u>7.081.174.014</u>	<u>3.835.245.958</u>	<u>(17.368.059.331)</u>	<u>(6.451.639.359)</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	-			7.737.068.941
<i>Phải trả</i>	7.081.174.014			1.285.429.582

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí dự án	25.881.999.628	980.460.983
Lương tháng 13	871.091.046	-
Chi phí phải trả khác	562.675.683	-
TỔNG CỘNG	<u>27.315.766.357</u>	<u>980.460.983</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	-	46.528.767
<i>Phải trả bên khác</i>	27.315.766.357	933.932.216

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	7.873.872.804	2.808.696.306
Nhận ký quỹ, ký cược	4.500.000.000	650.000.000
Cổ tức phải trả	573.468.776	573.468.776
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT	824.145.270	34.181.558
Khác	1.976.258.758	1.551.045.972
Dài hạn	139.500.000	149.500.000
Khác	139.500.000	149.500.000
TỔNG CỘNG	<u>8.013.372.804</u>	<u>2.958.196.306</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	1.244.924.152	991.197.620
<i>Phải trả bên khác</i>	6.768.448.652	1.966.998.686

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex -
Trụ sở chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	
Ngắn hạn	31.456.249.691	106.056.864.622	(66)
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	27.456.249.691	27.556.864.622	(43)
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21.1)	4.000.000.000	78.500.000.000	(37)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	-	-	15
Dài hạn	-	77.859.191.181	(47)
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 21.3)	-	77.859.191.181	(47)
TỔNG CỘNG	<u>31.456.249.691</u>	<u>198.916.055.803</u>	<u>(128)</u>

21.1 Vay bên liên quan

Đây là khoản vay để bổ sung nguồn vốn lưu động từ Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam, công ty mẹ (Thuyết minh số 21.1)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	<u>45.000.000.000</u>	Ngày 11 tháng 6 năm 2022

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex -
Trụ sở chính**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Vay ngân hàng

Đây là khoản vay để bổ sung nguồn vốn lưu động. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và trả lãi</i>
	VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	<u>11.050.565.400</u>	Ngày 1 tháng 12 năm 2021

21.2 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty Cho thuê tài chính TNHH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê thuê tài chính được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>			<i>Ngày</i>
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</i>				
Đến 1 năm	18.806.985.341	3.806.985.341	15.000.000.000	-
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>				
Trên 1 đến 5 năm	<u>34.188.464.996</u>	<u>3.470.624.996</u>	<u>30.717.840.000</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>52.995.450.337</u>	<u>7.277.610.337</u>	<u>45.717.840.000</u>	-

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex - Trụ sở chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	l
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	
Trích lập các quỹ	-	-	-	
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>209.723.210.000</u>	<u>15.257.068.213</u>	<u>5.352.597.635</u>	
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>209.723.210.000</u>	<u>15.257.068.213</u>	<u>5.352.597.635</u>	

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	158.730.773.102	78.902.915.477
Doanh thu cho thuê	12.364.624.900	1.501.287.644
TỔNG CỘNG	<u>171.095.398.002</u>	<u>80.404.203.121</u>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lãi tiền gửi	21.357.691	5.055.283
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.636.305	196.691.514
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	970.739.730
TỔNG CỘNG	<u>25.993.996</u>	<u>1.172.486.527</u>

24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải	135.529.180.749	83.388.817.232
Giá vốn cho thuê	3.130.260.810	1.050.901.351
TỔNG CỘNG	<u>138.659.441.559</u>	<u>84.439.718.583</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí lãi vay	1.811.426.598	391.670.855
Lỗ chênh lệch tỷ giá	89.254.467	73.025.056
TỔNG CỘNG	<u>1.900.681.065</u>	<u>464.695.911</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân viên	2.209.750.655	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.869.200	-
TỔNG CỘNG	<u>2.238.619.855</u>	<u>-</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.429.247.696	3.384.973.833
Chi phí nhân viên	7.095.623.147	8.515.488.561
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.161.187.434	706.300.374
Chi phí đồ dùng văn phòng	402.477.879	176.851.291
Dự phòng phải thu khó đòi	273.967.469	2.561.611.894
Khác	107.547.800	449.962.822
TỔNG CỘNG	<u>18.470.051.425</u>	<u>15.795.188.775</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	118.272.891.878	63.748.013.762
Chi phí nhân viên	21.528.301.765	20.601.789.635
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	5.028.513.666	8.399.160.149
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	6.627.615.607	2.596.890.129
Chi phí khác	7.910.789.923	4.889.053.683
TỔNG CỘNG	<u>159.368.112.839</u>	<u>100.234.907.358</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Trụ sở chính sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN	1.647.625.336	-
Thuế TNDN trích bổ sung trong những năm trước	312.123.892	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.959.749.228	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	450.716.528	(3.168.819.527)
TỔNG CỘNG	2.410.465.756	(3.168.819.527)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	9.938.949.971	(16.231.067.626)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Trụ sở chính	1.987.789.994	(3.246.213.525)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	110.551.870	77.393.998
Thuế TNDN trích bổ sung trong những năm trước	312.123.892	-
Chi phí thuế TNDN	2.410.465.756	(3.168.819.527)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Trụ sở chính đã ghi nhận khoản mục thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	VND			
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	-	273.868.238	(273.868.238)	3.168.819.527
Chi phí lãi vay theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	-	176.848.290	(176.848.290)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	-	450.716.528		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh giữa niên độ			(450.716.528)	3.168.819.527

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Trụ sở chính có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Trụ sở chính với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Đi vay	49.500.000.000	-
		Trả gốc vay	4.500.000.000	-
		Chi phí lãi vay	377.487.671	-
Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Đi vay	29.000.000.000	-
		Trả gốc vay	29.000.000.000	-
		Chi phí lãi vay	168.077.397	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Trụ sở chính với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	16.507.280.909	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho thuê phương tiện Nhận cung cấp dịch vụ	791.854.545 1.049.999.999	142.350.000 -

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	38.452.423	1.224.670.916
		Thanh lý TSCĐ	-	32.353.403.097
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Thanh lý TSCĐ	-	4.921.500.000
Tổng Công ty thiết bị điện Đông Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn (đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	18.605.071.400
			38.452.423	57.104.645.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND		
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây lắp Công Trình	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.686.403.000	4.060.300.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	43.630.400
			120.000.000	163.630.400
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thuê kho	987.247.532	395.822.200
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	577.500.000	300.300.000
		Thuê dịch vụ vận chuyển	25.171.092	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tập đoàn (đến ngày 30 tháng 9 năm 2020)	Thuê dịch vụ vận chuyển	-	1.151.167.727
			1.589.918.624	1.847.289.927
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	-	33.528.767
		Cung cấp dịch vụ	-	13.000.000
			-	46.528.767
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Công ty liên doanh	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	419.138.493	45.697.397
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi trả hộ	9.785.659	129.500.223
			1.244.924.152	991.197.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Vay	<u>45.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Hội đồng Quản trị			
Ông Đặng Vũ Thành	Chủ tịch HĐQT	42.000.000	-
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	24.000.000	-
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	24.000.000	36.000.000
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch HĐQT trước đây	-	60.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên trước đây	-	36.000.000
Ban kiểm soát			
Bà Trần Bảo Ngọc	Trưởng BKS	24.000.000	-
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên	18.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên	18.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc	709.600.000	-
Ông Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc trước đây	-	238.415.455
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc trước đây	-	226.786.364
Bà Nguyễn Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc trước đây	-	228.160.909
TỔNG CỘNG		<u>859.600.000</u>	<u>825.362.728</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trụ sở chính là bên đi thuê

Trụ sở chính hiện đang thuê văn phòng, kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	1.571.541.130	567.541.130
Từ 2 đến 5 năm	2.270.164.520	2.270.164.520
Trên 5 năm	7.803.690.538	8.655.002.233
TỔNG CỘNG	<u>11.645.396.188</u>	<u>11.492.707.883</u>

Trụ sở chính là bên cho thuê

Trụ sở chính hiện đang cho thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	<u>16.360.000.000</u>	<u>-</u>


32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

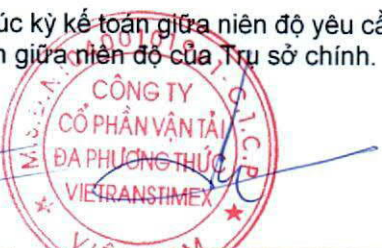
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngoại tệ:		
- USD	<u>33.250,24</u>	<u>33.045,11</u>

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính.


Phan Thị Ngoan
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Trang
Kế toán trưởng


Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

